

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Dự kiến thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Giai đoạn 2011-2015				Giai đoạn 2016-2020				Ghi chú
						Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Lũy kế vốn đã bỏ từ đầu hết 31/12/2015	Nhu cầu đầu tư 5 năm 2016-2020		Kế hoạch đã duyệt tại NQ số 09/NQ-HND ngày 15/09/2019		Kế hoạch điều chỉnh		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
																	10	11		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11		12	13	14	15	16	17	18	19	21
69	ĐSH bản Pù Chum, xã Long Hẹ	Ban QLDA ĐTXD	Long Hẹ	2018-2019	4.000,0	3.800,0	192	23/01/2018	3.901,0	3.706,1	194,9			3.712,9	3.518,1	3.712,9	3.518,1			3.518,1
70	Sửa chữa NSH bản Nà La A, xã Mường Băm	Ban QLDA ĐTXD	Mường Băm	2018-2019	700,0	630,0	181	22/01/2018	420,5	377,4	43,2			415,8	372,7	415,8	372,7			372,7
71	Sửa chữa NSH bản Nà Hát B, xã Mường Băm	Ban QLDA ĐTXD	Mường Băm	2018-2019	800,0	720,0	182	22/01/2018	318,7	286,5	32,2			292,7	260,6	292,7	260,6			260,6
72	Cầu qua suối đi 3 bản Hua Ngậy, xã Hả Dư, Hua Dấu	Ban QLDA ĐTXD	Pà Lông	2018-2019	1.024,0	921,6	179	22/01/2018	873,0	785,2	87,8			838,8	751,0	838,8	751,0	9,3		741,7
73	Nhà bán trú học sinh trường THCS Pà Lông	Ban QLDA ĐTXD	Pà Lông	2018-2019	2.400,0	2.352,0	180	22/01/2018	2.345,5	2.294,1	51,3			2.311,8	2.260,4	2.311,8	2.260,4	8,2		2.252,2
74	Cầu vào bản Huổi Lương - Nà Lanh, xã E Tông	Ban QLDA ĐTXD	E Tông	2018-2019	2.866,0	2.579,4	183	22/01/2018	1.746,5	1.569,5	177,0			1.662,0	1.485,0	1.662,0	1.485,0	88,0		1.397,0
75	NHLH 2 tầng 8 phòng trường THCS Phòng Lập	Ban QLDA ĐTXD	Phòng Lập	2018-2019	3.500,0	3.430,0	184	22/01/2018	3.500,0	3.429,4	70,6			3.475,1	3.404,5	3.475,1	3.404,5			3.404,5
76	Nâng cấp thủy lợi phai Mò - bản Ten Ké, xã Chiềng Bóm	Ban QLDA ĐTXD	Chiềng Bóm	2018-2019	800,0	720,0	185	22/01/2018	735,9	655,4	80,5			701,7	621,2	701,7	621,2			621,2
77	Kiến cổ hoa kênh đất Phai Sĩa bản Lai Lông, xã Chiềng Bóm	UBND xã Chiềng Bóm	Chiềng Bóm	2018-2019	700,0	630,0	186	22/01/2018	683,7	614,2	69,5			650,5	581,0	650,5	581,0	0,7		580,3
78	Cầu trên liên hợp bản Tàng - Huổi Kép, xã Năm Lầu	Ban QLDA ĐTXD	Năm Lầu	2018-2019	1.766,0	1.589,4	187	22/01/2018	1.264,5	1.136,8	127,7			1.202,7	1.075,0	1.202,7	1.075,0	86,4		988,6
79	Cầu suối Ty bản Huổi Kép đi bản Huổi Xư	Ban QLDA ĐTXD	Năm Lầu	2018-2019	1.241,0	1.116,9	137	19/01/2018	1.241,0	1.114,4	126,6			1.195,6	1.069,0	1.195,6	1.069,0	34,9		1.034,2
80	Kế trường mầm non điểm Nà Mất	Ban QLDA ĐTXD	Pung Tra	2018-2019	800,0	784,0	138	19/01/2018	582,2	566,7	15,5			553,5	538,0	553,5	538,0	15,5		522,5
81	Nhà văn hóa bản Pha, xã Mường E	UBND xã Mường E	Mường E	2018-2019	700,0	630,0	18	31/01/2018	700,0	628,0	72,0			686,2	614,2	686,2	614,2	0,6		613,5
82	Cầu bê tông Hong Cang bản Nà Lầu, xã Mường E	Ban QLDA ĐTXD	Mường E	2018-2019	1.048,0	943,2	139	19/01/2018	1.028,6	922,5	106,1			983,3	877,2	983,3	877,2			877,2
83	Điện sinh hoạt bản Long Lót, xã Chiềng La	Ban QLDA ĐTXD	Chiềng La	2018-2019	2.742,0	2.604,9	193	23/01/2018	2.169,8	2.058,9	110,9			2.064,9	1.954,0	2.064,9	1.954,0	47,6		1.906,4
84	Thủy lợi Pù Báu, xã Chiềng Ngăm	Ban QLDA ĐTXD	Chiềng Ngăm	2018-2019	800,0	720,0	194	23/01/2018	800,0	718,9	81,1			778,1	697,0	778,1	697,0	38,4		658,6
85	Mường Huổi Sỏi, xã Chiềng Ngăm	Ban QLDA ĐTXD	Chiềng Ngăm	2018-2019	900,0	810,0	195	23/01/2018	834,4	750,6	83,9			798,9	715,0	798,9	715,0	15,5		699,5
86	Nhà văn hóa bản Tang Phat, xã Chiềng Pha	Ban QLDA ĐTXD	Chiềng Pha	2018-2019	850,0	765,0	196	23/01/2018	850,0	762,3	87,7			829,7	742,0	829,7	742,0	12,9		729,1
87	Thủy lợi Noong Pong	Ban QLDA ĐTXD	Phòng Láng	2018-2019	1.000,0	900,0	188	22/01/2018	979,1	881,1	98,0			931,6	833,6	931,6	833,6	16,7		816,9
88	NHLH 1 phòng trường mầm non điểm trường bản Han, xã Chiềng Ly	UBND xã Chiềng Ly	Chiềng Ly	2018-2019	500,0	490,0	08	31/01/2018	500,0	488,9	11,1			489,1	478,0	489,1	478,0			478,0
89	Nhà học 2 phòng trường THCS xã Thóm Môn	Ban QLDA ĐTXD	Thóm Môn	2018-2019	800,0	784,0	189	22/01/2018	778,5	762,1	16,4			741,4	725,0	741,4	725,0	40,8		684,2
90	Kênh phai Lai, xã Chiềng Pắc	Ban QLDA ĐTXD	Chiềng Pắc	2018-2019	700,0	630,0	197	23/01/2018	700,0	629,5	70,5			676,5	606,0	676,5	606,0	20,2		585,8

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Dự kiến thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư				Quyết định đầu tư				Giai đoạn 2011-2015				Giai đoạn 2016-2020								Ghi chú
						Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Lũy kế vốn đã bỏ từ đến hết 31/12/2015	Kế hoạch đã duyệt tại NQ số 09/NQ-HĐND ngày 15/9/2019				Kế hoạch điều chỉnh									
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Trong đó (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Trong đó (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW										
1	2	3	4	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	21	22					
16	Cầu qua suối bản Lái đi trường TH, MN, bản Pôn Khương AB, xã Chiềng Bóm	Ban QLDA ĐTXD	Chiềng Bóm		2019-2020		1.300,0	1.170,0	3159 - 15/10/2018	1.040,3	933,4	106,8		1.040,3	933,4	1.040,3		136,2		797,2						
17	Cầu bản Nong, xã Năm Lầu	Ban QLDA ĐTXD	Năm Lầu	7 m	2019-2020		1.174,0	1.056,6	3196 - 19/10/2018	1.174,0	1.051,3	122,7		1.174,0	1.051,3	1.174,0		15,6		1.035,8						
18	Cầu bản Năm Lầu, xã Năm Lầu	Ban QLDA ĐTXD	Năm Lầu	7 m	2019-2020		830,0	747,0	3215 - 22/10/2018	830,0	745,6	84,4		830,0	745,6	830,0		13,7		731,9						
19	Thủy lợi Na Ban, bản Pung, xã Pung Tra	Ban QLDA ĐTXD	Pung Tra	1,5 km, 7 ha	2019-2020		800,0	720,0	3274 - 24/10/2018	709,9	635,7	74,2		709,9	635,7	709,9		54,4		581,3						
20	Cầu bản Pung, xã Pung Tra	Ban QLDA ĐTXD	Pung Tra	7 m	2019-2020		829,0	746,1	3217 - 22/10/2018	800,0	719,6	80,4		800,0	719,6	800,0		68,4		651,1						
21	Năng cấp NSH Ta Bông, bản Co Măn, xã Pung Tra	Ban QLDA ĐTXD	Pung Tra		2019-2020		600,0	540,0	3268 - 24/10/2018	600,0	537,3	62,7		600,0	537,3	600,0		25,8		511,6	Dùng thực hiện					
22	Cầu qua suối Nà Hát, xã Pung Tra	Ban QLDA ĐTXD	Pung Tra	7m	2019-2020											468,4	419,8	390,3		29,5						
23	Cầu từ bản Nà Hia - bản Tum, xã Mường É	Ban QLDA ĐTXD	Mường É		2019-2020		1.087,0	978,3	3218 - 22/10/2018	1.070,0	960,1	109,9		1.070,0	960,1	1.070,0		138,2		821,9						
24	Cầu qua suối bản Tóc Tộc, Tóc Nua, xã Mường É	Ban QLDA ĐTXD	Mường É		2019-2020		1.110,0	1.000,0	3219 - 22/10/2018	1.060,7	949,5	111,1		1.060,7	949,5	1.060,7		115,5		834,0						
25	Thủy lợi phai Công, bản Nà Lầu, xã Mường É	Ban QLDA ĐTXD	Mường É		2019-2020		1.485,0	1.410,0	3191 - 19/10/2018	1.479,5	1.404,8	74,8		1.479,5	1.404,8	1.479,5		57,8		1.346,9						
26	Nhà bán trú trường tiểu học xã Chiềng La	Ban QLDA ĐTXD	Chiềng La	2 phòng	2019-2020		900,0	855,0	3232 - 23/10/2018	780,0	739,7	40,3		780,0	739,7	780,0		14,2		725,4						
27	Sửa chữa Tru sở cũ thành Nhà văn hóa xã Chiềng La	Ban QLDA ĐTXD	Chiềng La	200 chỗ	2019-2020		630,0	567,0	3233 - 23/10/2018	611,1	548,3	62,8		611,1	548,3	611,1		9,2		539,1						
28	Kênh bản Cát, xã Chiềng La	UBND xã Chiềng La	Chiềng La	150m kênh, 5 ha	2019-2020		500,0	450,0	98 - 26/10/2018	500,0	449,9	50,1		500,0	449,9	500,0		0,6		449,3						
29	Cầu tran liên hợp bản Quỳ, xã Chiềng Ngam	Ban QLDA ĐTXD	Chiềng Ngam		2019-2020		2.600,0	2.340,0	3220 - 22/10/2018	2.415,3	2.166,9	248,3		2.415,3	2.166,9	2.415,3		72,8		2.094,1						
30	Kênh thủy lợi bản Chao, xã Chiềng Ngam	Ban QLDA ĐTXD	Chiềng Ngam		2019-2020		1.400,0	1.260,0	3193 - 19/10/2018	1.400,0	1.259,7	140,3		1.400,0	1.259,7	1.400,0		117,4		1.142,3						
31	Nhà đa năng xã Phông Lai	Ban QLDA ĐTXD	Phông Lai		2019-2020		2.550,0	2.030,0	3234 - 23/10/2018	2.368,7	2.012,5	356,2		2.368,7	2.012,5	2.368,7		0,0		2.012,5						
32	Phòng học chức năng trường TH Chiềng Pha	Ban QLDA ĐTXD	Chiềng Pha	3 phòng	2019-2020		1.200,0	1.140,0	3242 - 23/10/2018	1.200,0	1.139,7	60,3		1.200,0	1.139,7	1.200,0		14,5		1.125,3						
33	Mương thoát nước bản Dư, xã Phông Lăng	Ban QLDA ĐTXD	Phông Lăng		2019-2020		965,0	675,0	3272 - 24/10/2018	391,6	272,4	119,2		391,6	272,4	391,6		15,0		257,4						
34	Nhà văn hóa bản Đông, xã Chiềng Ly	UBND xã Chiềng Ly	Chiềng Ly	80 chỗ, 100 m2	2019-2020		700,0	420,0	91 - 25/10/2018	681,7	410,2	278,7		681,7	410,2	681,7		46,3		410,2						
35	Nhà họp học trường TH Thôn Môn	Ban QLDA ĐTXD	Thôn Môn		2019-2020		800,0	760,0	3195 - 19/10/2018	772,7	730,3	42,4		772,7	730,3	772,7		43,2		687,1						
36	Hệ thống thông tin xã Thôn Môn	UBND xã Thôn Môn	Thôn Môn		2019-2020		250,0	230,0	237 - 30/10/2018	250,0	225,0	25,0		250,0	225,0	250,0		5,1		219,9						
37	Sửa chữa thủy lợi bản Mây, xã Chiềng Pắc	Ban QLDA ĐTXD	Chiềng Pắc		2019-2020		453,0	407,7	3276 - 24/10/2018	436,3	392,0	44,3		436,3	392,0	436,3		46,5		345,5						
38	Năng cấp trạm y tế xã Muối Núi	Ban QLDA ĐTXD	Muối Núi		2019-2020		1.500,0	1.425,0	3247 - 23/10/2018	1.480,2	1.403,7	76,5		1.480,2	1.403,7	1.480,2		51,2		1.352,5						

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Dự kiến thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư				Quyết định đầu tư				Giới hạn 2011-2015				Giới hạn 2016-2020								Ghi chú
						Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Kế hoạch điều chỉnh		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW												Giảm	Tăng		
1	2	3	4	4	5	6	7	8	9	10	11			12	13	14	15	16	17	18	19	21	22			
44	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường TH-THCS Long Hè	Ban QLDA ĐTXD	Long Hè		2020		4.882,0	4.637,3		4.882,0	4.637,3	244,7					4.882,0	4.637,3	4.882,0	4.637,3			4.637,3			
45	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường TH-THCS E Tông	Ban QLDA ĐTXD	E Tông		2020		3.972,3	3.763,2		3.972,3	3.763,2	209,1					3.972,3	3.763,2	3.972,3	3.763,2			3.763,2			
46	Nước sinh hoạt Bán Pua, xã Thôn Môn	Ban QLDA ĐTXD	Thôn Môn		2020		1.335,8	1.068,6		1.335,8	1.068,6	267,2					1.335,8	1.068,6	1.335,8	1.068,6			1.068,6			
47	Nước sinh hoạt bán Co Khiết, xã Liệp Tề	Ban QLDA ĐTXD	Liệp Tề		2020		1.065,5	958,5		1.065,5	958,5	107,0					1.065,5	958,5	1.065,5	958,5			958,5			
48	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường THCS Tổng Lãnh	Ban QLDA ĐTXD	Tổng Lãnh		2020		4.800,0	4.560,0		4.800,0	4.560,0	240,0					4.800,0	4.560,0	4.800,0	4.560,0			4.560,0			
49	Nước sinh hoạt Năm Uín, xã Mường Băm	Ban QLDA ĐTXD	Mường Băm		2020		707,2	636,5		707,2	636,5	70,7					707,2	636,5	707,2	636,5			636,5			
50	Nước sinh hoạt Thăm Dón, xã Mường Băm	Ban QLDA ĐTXD	Mường Băm		2020		432,5	389,3		432,5	389,3	43,3					432,5	389,3	432,5	389,3			389,3			
51	Nước sinh hoạt bán Mỏ, xã Co Ma	Ban QLDA ĐTXD	Co Ma		2020		1.996,3	1.796,7		1.996,3	1.796,7	199,6					1.996,3	1.796,7	1.996,3	1.796,7			1.796,7			
52	Nhà lớp học trường Mầm non 2/9 Bò Mươi	Ban QLDA ĐTXD	Bò Mươi		2020		2.522,0	2.395,9		2.522,0	2.395,9	126,1					2.522,0	2.395,9	2.522,0	2.395,9			2.395,9			
53	NHSH bán Khiết, xã Mường Khiết	BQL ĐTXD	Mường Khiết		2020		1.997,5	1.797,8		1.997,5	1.797,8	199,8					1.997,5	1.797,8	1.997,5	1.797,8			1.797,8			
54	Thủy lợi bán Pom Khoảng, xã Chiềng Bóm	BQL ĐTXD	Chiềng Bóm		2020		792,1	752,5		792,1	752,5	39,6					792,1	752,5	792,1	752,5			752,5			
55	Thủy lợi bán Láy, xã Bon Phàng	BQL ĐTXD	Bon Phàng		2020		1.500,0	1.425,0		1.500,0	1.425,0	75,0					1.500,0	1.425,0	1.500,0	1.425,0			1.425,0			
56	Thủy lợi phân Nháp - Nà Lầu, xã Nà Lầu	BQL ĐTXD	Nà Lầu		2020		1.200,0	1.140,0		1.200,0	1.140,0	60,0					1.200,0	1.140,0	1.200,0	1.140,0			1.140,0			
e	Chưa phân bổ																2.313,5	2.313,5	2.313,5	2.313,5	2.313,5					